

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2022/DSPT
Ngày 28/12/2022
V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa : Bà
Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 và ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh
Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLPT - DS, ngày
18/11/2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2022/DS-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2022/QĐPT-DS
ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Quang Huy C, sinh năm
1988 (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022, có mặt).*

Địa chỉ: đường B, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Ph1, sinh năm 1952 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
 2. Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1955 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1958 (vắng mặt).
Địa chỉ: khóm M, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
 4. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1961(có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.
 5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1966 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh Ph là nguyên đơn .

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:* Cha mẹ của ông Ph là cụ ông Nguyễn Văn T (chết năm 1969) và cụ bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2009), hai cụ có tất cả 07 người con gồm: ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Thị Kim Ph1, ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ánh T, bà Nguyễn Thị Ngọc Nh và ông Nguyễn Hồng Th. Cụ Nguyễn Văn T chết không để lại di chúc và di sản thừa kế, cụ Nguyễn Thị T1 chết không để lại di chúc nhưng có để lại di sản thừa kế gồm:

- Thừa 28 diện tích 1.283,7m² (trong đó có 300 m² đất ở và 983,7 m² đất trồng cây lâu năm) theo đo đạc thực tế diện tích 1.228,8m².

- Thừa 29 (thừa củ 1398) diện tích 940m² theo đo đạc thực tế diện tích 939,3m² đất cây lâu năm.

- Thừa 181 diện tích 280m² đất màu (số thửa cũ 148) theo đo đạc thực tế diện tích 333,2m².

- Thừa 180 diện tích 2.330m² đất lúa (số thửa cũ 149) theo đo đạc thực tế diện tích 2.335,6m².

- Thừa 1377 diện tích 647,1m² đất lúa diện tích theo đo đạc thực tế 648,2m².

- Thừa 1378 diện tích 808,3m² đất lúa theo đo đạc thực tế diện tích 812,4m².

- Thừa 193 diện tích 2.140,9m² đất lúa theo đo đạc thực tế diện tích 2.173,9m².

Tổng cộng diện tích là 8.430m² theo đo đạc thực tế là 8.471,4m² , các thửa đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do hộ Nguyễn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả bảy thửa đất nêu trên do ông Nguyễn Hồng Th đang quản lý, sử dụng.

Ông Ph thống nhất giá các thửa đất theo biên bản định giá ngày 08/7/2021 xác định giá đất thửa 1378, thửa 193, thửa 1377, thửa 180 là 118.000đ/m² (vị trí 4), thửa 181 giá 88.000đ, thửa 29 giá 138.000đ/m², thửa 28 loại đất ở giá 230.000đ/m², đất trồng cây lâu năm giá 71.000đ/m². Trên thửa đất 1377, thửa 180 và thửa 181 ông Th đã lên vườn trồng ổi, chanh, dứa, nhãn. Thửa 29 có cây me, cây vú sữa, cây cà na, cây dứa và 02 ngôi mộ; Thửa 28 có căn nhà của mẹ để lại và một số loại cây trồng, chuồng heo, thửa đất 1378 và 193 thì trồng lúa. Ông Ph khởi kiện yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của cụ T1 gồm thửa 1377 diện tích 648,2m² đất lúa, thửa 180 diện tích 2.335,6m² đất lúa, thửa 181 diện tích 333,2m² đất màu, tổng cộng 3.317m². Đối với các cây trồng, nếu chia đất có cây trồng thì ông Th tự di dời ông Ph không trả giá trị. Ông Th được hưởng thừa kế thửa đất 28, thửa 29, 193 và thửa 1378, tổng cộng 5.156,4m². Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu nhận 02 thửa đất 1377 diện tích 648,2m² và một phần thửa đất 180 diện tích 1.051,42m², tổng cộng là 1.699,62m².

- *Tại các bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Hồng Th và người đại diện hợp pháp trình bày:* Về cha mẹ và các anh chị em ông Th thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, cụ bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2009) không để lại di chúc nhưng có để lại di sản thừa kế gồm:

Thửa 28, thửa 29 (thửa cũ 1398), thửa 181, thửa 180, thửa 1377, thửa 1378, thửa 193, tổng diện tích là 8.430m² theo đo đạc thực tế là 8.471,4m² như lời trình bày của nguyên đơn, các thửa đất này do hộ cụ Nguyễn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tất cả tài sản đều do ông Nguyễn Hồng Th quản lý, sử dụng. Về giá đất, cây trồng và các tài sản trên đất ông Th đồng ý theo biên bản định giá tài sản, nếu chia đất cho ông Ph có cây trồng thì ông sẽ tự chặt bỏ không yêu cầu giải quyết. Các thửa đất cụ Tám đã giao cho ông Th quản lý, sử dụng nên ông đã đầu tư công sức bồi đắp, giữ gìn thờ cúng ông bà. Ông Th chỉ đồng ý chia cho ông Ph thửa 193, diện tích 2.173,9m² đất lúa và ½ giá trị thửa 1378, diện tích 406,2m² bằng số tiền 47.931.600đ, tổng cộng là 2.580,1m². Ông Th được hưởng phần đất gồm thửa 1377 diện tích 648,2m², thửa 1378, diện tích 812,4m², thửa 180 diện tích 2.335,6m², thửa 181 diện tích 333,2m² và thửa 29, diện tích 939,3m², thửa 28 diện tích 1.228,8m², tổng cộng 6.297,5m². Đối với các cây trồng, nếu chia đất cho ai thì người đó hưởng, ông Th không yêu cầu giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Ph1 có bản khai và đơn xin vắng mặt trình bày:* Bà thừa nhận cha mẹ và các anh em đúng như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Bà Ph1 không yêu cầu chia thừa kế di sản của mẹ là cụ Nguyễn Thị T1 để lại mà ký phần thừa kế của bà giao cho nguyên đơn và bị đơn quyết định vì bà đã ở riêng và đã có đất nên không nhận thừa kế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng H trình bày:* Ông thừa nhận cha mẹ và các anh em đúng như nguyên đơn và bị đơn trình bày, ông Th không yêu cầu chia thừa kế di sản của mẹ là cụ Nguyễn Thị T1 để lại vì ông đã có đất nên không nhận, phần của ông để lại cho ông Th quản lý sử dụng, thờ cúng ông bà, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:* Bà thừa nhận cha mẹ và các anh em đúng như nguyên đơn và bị đơn trình bày, bà T không yêu cầu chia thừa kế di sản của mẹ là cụ Nguyễn Thị T1 để lại, phần di sản thừa kế của bà thì bà để lại cho ông Th quản lý sử dụng thờ cúng ông bà, bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A có bản khai và đơn xin vắng mặt trình bày:* Bà thừa nhận cha mẹ có 07 anh chị em như lời trình bày của ông Ph, ông Th là đúng. Bà không yêu cầu chia di sản thừa kế, phần bà để cho ông Th thờ cúng ông bà, bà không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Nh có đơn vắng mặt trình bày:* Bà không yêu cầu nhận di sản thừa kế của mẹ để lại, bà để cho ông Ph và ông Th tự quyết định vì bà đã gia đình riêng và đã có đất nên không nhận thừa kế, bà không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2022/DS-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 468, các Điều 609, 610, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 167, 188, 203 Luật đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1.1. Chia cho ông Nguyễn Thanh Ph được hưởng di sản thừa kế tại thửa 193, diện tích 2.173,9m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Buộc ông Th phải giao cho ông Ph được sử dụng quản lý phần đất thửa 193, diện tích 2.173,9m², loại đất lúa.

1.3. Công nhận cho ông Ph được quyền sử dụng đất thửa 193 diện tích 2.173,9m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

1.4. Chia cho ông Nguyễn Hồng Th được hưởng di sản thừa kế gồm thửa 1377, tờ bản đồ số 7 diện tích 648,2m² đất lúa; chiết thửa 28-1, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.228,8m², đất thổ vườn trên đất có căn nhà ; thửa 29, tờ bản đồ số 7, diện tích 939,3m², đất cây lâu năm trên đất có 02 ngôi mộ của ông bà và các cây trồng; thửa 181, tờ bản đồ số 7 diện tích 333,2m², đất màu; thửa 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 2.335,6m² đất lúa; thửa 1378 diện tích 812,4m², đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1.5. Công nhận cho ông Th được quyền sử dụng đất các thửa 1377, tờ bản đồ số 7 diện tích 648,2m² đất lúa; chiết thửa 28-1, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.228,8m², đất thổ vườn trên đất có căn nhà; Thửa 29, tờ bản đồ số 7, diện tích 939,3m², đất cây lâu năm trên đất có 02 ngôi mộ của ông bà và các cây trồng; Thửa 181, tờ bản đồ số 7 diện tích 333,2m², đất màu; Thửa 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 2.335,6m² đất lúa; thửa 1378 diện tích 812,4m² (kèm theo trích đo).

2. Ghi nhận sự tự nguyện ông Th đồng ý hỗ trợ cho ông Ph giá trị đất của thửa 1378 diện tích 406,2m² số tiền 47.931.600đ.

3. Về cây trồng: Thửa 193 là đất lúa không có cây trồng nên không giải quyết về cây trồng.

3.1. Đối với căn nhà, mồ mã và các cây trồng trên thửa thửa 1377, tờ bản đồ số 7 diện tích 648,2m² đất lúa; chiết thửa 28-1, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.228,8m², đất thổ vườn trên đất có căn nhà và các cây trồng; Thửa 29, tờ bản đồ số 7, diện tích 939,3m², đất cây lâu năm trên đất có 02 ngôi mộ của ông bà và các cây trồng; Thửa 181, tờ bản đồ số 7 diện tích 333,2m², đất màu; Thửa 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 2.335,6m² đất lúa; thửa 1378 diện tích 812,4m², giao ông Th tiếp tục quản lý sử dụng.

Ngoài ra, *Tòa án cấp sơ thẩm* còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022 nguyên đơn ông Ph kháng cáo bản án sơ thẩm có nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phong, cho ông Ph được hưởng thửa đất 1377 diện tích 648,2 m² và một phần thửa đất 180 diện tích 1.051,42 m² tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đồng ý chừa lối đi thửa đất của ông Th chiều ngang 2m có vị trí tính từ điểm đầu thửa 1377 đến cuối một phần thửa 180 mà ông Ph được hưởng và liền kề với phần diện tích tách rạch từ đầu thửa 1377 dài đến thửa 181.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng thửa đất 1377 diện tích 648,2 m² và một phần thửa đất 180 cho đủ diện tích một kỷ phần thửa kế là 1.411,9 m², đồng ý chừa lối đi chiều ngang 2m tại thửa 1377 và tách thửa 180 để ông Th có lối đi vào thửa đất còn lại, ông Ph nhận cây trồng gắn liền thửa đất 1377 và 180 không trả giá trị cây trồng và công cải tạo đất cho ông Th.

Ông Th không đồng ý kháng cáo của ông Ph, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, thửa đất 193 cách nhà ông Ph khoảng 100m và liền kề với thửa đất lúa của ông Ph nên thuận tiện trong việc sử dụng đất. Đối với thửa đất 180 và thửa 1377 thì ông Th được mẹ cho quản lý sử dụng đất nên đã cải tạo trồng cây trên đất, ông Th tự nguyện giao cho ông Ph hưởng 2.580,1 m² là nhiều hơn một kỷ phần thửa kế.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Cụ ông Nguyễn Văn T (chết năm 1969) và cụ bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2009) có tất cả 07 người con, cụ bà Nguyễn Thị T1 chết để lại di sản thừa kế là 07 thửa đất, gồm các thửa 28, 29, 1377, 1378, 193, 180, 181 do hộ cụ Nguyễn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do ông Nguyễn Hồng Th đang quản lý, sử dụng tất cả 07 thửa đất này. Cụ T1 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ T được chia theo pháp luật. Xét về hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm 07 người con nên được chia làm 07 kỷ phần thừa kế, ông H, bà A, bà T thống nhất giao kỷ phần được hưởng cho ông Th quản lý sử dụng thờ cúng ông bà, bà Nh và bà Ph1 từ chối không nhận thừa kế, do đó án sơ thẩm chia di sản làm 06 phần, trong đó có 01 phần công sức đóng góp của ông Th là phù hợp. Theo kết quả đo đạc, thửa 1377 diện tích 648,2m², thửa 1378 diện tích 812,4m², thửa 193 diện tích 2.173,9m², thửa 180 diện tích 2.335,6m² đất lúa. Thửa 181 diện

tích 333,2m² đất màu, thửa 28 diện tích 1.228,8m² đất thổ vườn và thửa 29 diện tích 939,3m² đất cây lâu năm. Tổng diện tích 8.471,4m² : 6 = 1.411,9m²/phần. Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/7/2021 toàn bộ di sản có tổng giá trị là 998.361.600đ: 6 = 166.393.600đ/phần. Các đồng thừa kế thống nhất chia cho ông Ph thửa 193 diện tích 2.173,9m² loại đất lúa (x 118.000đ/m² = 256.520.200đ) và số tiền 47.931.600đ tương đương diện tích 406,2m². Tổng cộng = 304.451.800đ vượt hơn một kỷ phần được hưởng. Xét thửa 193 diện tích 2.173,9m² có phần giáp đường và giáp với thửa đất ông Ph đang canh tác nên thuận tiện trong việc sử dụng đất. Ông Ph yêu cầu được nhận thửa 1377, diện tích 648,2m² và một phần thửa 180 diện tích 1.051,42m², tổng cộng 1.699,6m². Tuy nhiên thửa 180 và thửa 181 có vị trí phía sau thửa 1377, giáp rạch không có lối đi ra đường công cộng. Ông Ph đồng ý chừa lối đi có chiều ngang 2m vào thửa 181 và phần còn lại của thửa 180, nhưng lối đi này có chiều dài hơn 100m, gây khó khăn cho người sử dụng đất. Mặt khác thửa 1377 và thửa 180 là đất lúa nên thuộc trường hợp không thể tách thửa theo diện tích nêu trên, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Ph; Giữ nguyên án sơ thẩm. Ông Ph phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên ông Ph là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Ngày 12/10/2022 Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của ông Ph còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Cụ ông Nguyễn Văn T (chết năm 1969) và cụ bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2009) có tất cả 07 người con gồm: ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Thị Kim Ph1, ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ánh T, bà Nguyễn Thị Ngọc Nh và ông Nguyễn Hồng Th. Các đương sự thống nhất cụ ông Nguyễn Văn T1 khi còn sống không có tài sản và di sản thừa kế của cụ

bà Nguyễn Thị T1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và biên bản định giá tài sản ngày 08/7/2011 và ngày 08/09/2022 được xác định như sau:

- Thửa 28, diện tích $1.283,7\text{m}^2$ theo đo đạc thực tế diện tích $1.228,8\text{m}^2$, đất thổ vườn, giá đất thổ $230.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 300\text{m}^2 = 69.000.000\text{đ}$, đất vườn giá $71.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 928,8\text{m}^2 = 65.884.800\text{đ}$

- Thửa 29 (thửa củ 1398) diện tích 940m^2 theo đo đạc thực tế diện tích $939,3\text{m}^2$, đất cây lâu năm x giá $138.000\text{đ}/\text{m}^2 = 129.623.400\text{đ}$.

- Thửa 181, diện tích 280m^2 đất màu (số thửa cũ 148) theo đo đạc thực tế diện tích $333,2\text{m}^2 \times$ giá $88.000\text{đ}/\text{m}^2 = 29.321.600\text{đ}$.

- Thửa 180, diện tích 2330m^2 đất lúa (số thửa cũ 149) theo đo đạc thực tế diện tích $2.335,6\text{m}^2 \times$ giá $118.000\text{đ}/\text{m}^2 = 275.600.800\text{đ}$.

- Thửa 1377, diện tích $647,1\text{m}^2$ đất lúa theo đo đạc thực tế diện tích $648,2\text{m}^2 \times$ giá $118.000\text{đ}/\text{m}^2 = 76.287.600\text{đ}$.

- Thửa 1378, diện tích $808,3\text{m}^2$ đất lúa theo đo đạc thực tế diện tích $812,4\text{m}^2 \times$ giá $118.000\text{đ}/\text{m}^2 = 95.863.200\text{đ}$.

- Thửa 193, diện tích $2140,9\text{m}^2$ đất lúa theo đo đạc thực tế diện tích $2.173,9\text{m}^2 \times$ giá $118.000\text{đ}/\text{m}^2 = 256.500.200\text{đ}$.

Tổng diện tích là 8.430m^2 theo đo đạc thực tế là $8.471,4\text{m}^2$, tổng giá trị đất $998.361.600\text{đ}$ cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tất cả tài sản đều do ông Nguyễn Hồng Th quản lý, sử dụng.

[3] Xét về hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm 07 người con, ông H, bà A, bà T thống nhất giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Th quản lý sử dụng để thờ cúng cha mẹ, bà Nh và bà Ph1 từ chối không nhận di sản thừa kế. Do đó án sơ thẩm chia di sản thừa kế làm 06 phần trong đó ông Thuấn được hưởng 5 kỷ phần thừa kế của ông Th, ông H, bà A, bà T và 01 phần công sức cải tạo, bồi đắp, giữ gìn đất của ông Th là phù hợp pháp luật.

Về vị trí đất: Bản án sơ thẩm chia cho ông Ph được hưởng thừa kế thửa đất 193 và giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất 1378, cộng chung diện tích $2.580,1\text{m}^2$ là nhiều hơn một kỷ phần thừa kế mà ông Ph được nhận có diện tích $8.471,4\text{m}^2 : 6 = 1.411,9\text{m}^2$ được tính thành tiền $998.361.600\text{đ} : 6 = 116.393.600\text{đ}$. Thửa đất 193 có vị trí phía trước giáp thửa đất 1378, thửa 1378 giáp con kênh, con kênh giáp đường huyện. Phía sau thửa đất 193 giáp đường đất.

[4] Xét kháng cáo của ông Ph yêu cầu được nhận thừa kế hai thửa đất 1377 có diện tích $648,2\text{m}^2$ đất lúa và một phần thửa đất 180 cho đủ diện tích một kỷ phần thừa kế $1.411,9\text{m}^2$. Ông Th không đồng ý kháng cáo của ông Ph vì nếu chia

hai thửa đất này cho ông Ph sẽ ảnh hưởng lối đi vào mồ mã cha mẹ nằm trên thửa đất 29 và các thửa đất còn lại, ông Th dự định cho người khác thuê thửa đất 1377 để kinh doanh, nếu giao đất cho ông Ph thì ông Th không cho thuê đất được. Theo ông Th trình bày thì trong bảy thửa đất là di sản thừa kế thì thửa đất 1377 nằm cặp huyện có giá trị kinh tế nhất. Trong 7 thửa đất là di sản thừa kế thì thửa đất 28 có gắn căn nhà của ông Th đang sử dụng, thửa đất 29 có gắn hai ngôi mộ của cha mẹ ông Th nên án sơ thẩm chia hai thửa đất này cho ông Th được quyền sử dụng hợp pháp là phù hợp.

[5] Các thửa đất 180, 181, 1377, 1378 và thửa 193 là những thửa đất có chiều ngang và chiều dài đủ điều kiện để chia bằng hiện vật. Bà Nh, bà Ph1 đã từ chối nhận di sản thừa kế, ông H, bà A và bà T tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của họ cho ông Th được trọn quyền quản lý và sử dụng để thờ cúng ông bà. Như vậy, ông H, bà A, bà T, bà Nh và bà Ph1 không có nhu cầu quản lý và sử dụng đất, chỉ có ông Th và ông Ph có nhu cầu quản lý và sử dụng đất và cả hai đều có yêu cầu được nhận thửa đất 1377. Ông Ph và ông Th đều có chỗ ở ổn định, thửa đất 1377 nằm liền kề với thửa đất của gia đình ông Ph đang sinh sống, nếu giao cho ông Ph trọn thửa đất 1377 thì ảnh hưởng lối đi vào thửa đất 180 và 181 nằm phía trong. Thửa đất 1377 có chiều ngang đầu ngoài là 14,07m, chiều ngang đầu trong là 10,78m là đủ điều kiện để chia thửa đất thành hai phần. Để đảm bảo hiện trạng sử dụng đất và đảm bảo quyền lợi của ông Th và ông Ph là những người được hưởng thừa kế. Hội đồng xét xử thống nhất chia cho ông Ph thửa đất 1377 có chiều ngang đầu ngoài là 5m, chiều ngang đầu trong là 5m diện tích là $267,9 \text{ m}^2$ và tách thửa 180 có diện tích là 1.101 m^2 , tổng cộng là $1.368,9 \text{ m}^2$. Chia cho ông Th diện tích còn lại là $385,3 \text{ m}^2$ thuộc tách thửa 1377 và diện tích còn lại là $1.234,5 \text{ m}^2$ thuộc tách thửa 180, diện tích $812,4 \text{ m}^2$ thuộc thửa 1378, diện tích $2.173,9 \text{ m}^2$ thuộc thửa 193, diện tích $333,2 \text{ m}^2$ thuộc thửa 193, diện tích $1.228,8 \text{ m}^2$ thuộc thửa 28, diện tích $939,3 \text{ m}^2$ thuộc thửa 29.

[6] Do ông Ph nhận kỷ phần thừa kế có diện tích $1.368,9 \text{ m}^2 \times 118.000 \text{ đ/m}^2 = 161.530.200 \text{ đ}$ là ít hơn giá trị một kỷ phần thừa kế $4.863.400 \text{ đ}$ ($166.393.600 \text{ đ} - 161.530.200 \text{ đ} = 4.863.400 \text{ đ}$) nên ông Th phải hoàn trả số tiền chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Ph là $4.863.400 \text{ đ}$.

Về cây trồng trên đất: Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/7/2021 và biên bản xét xét thẩm định ngày cùng ngày 08/7/2021 xác định cây trồng trên đất bao gồm cây ổi, chanh, dừa, nhãn, hồ sơ vụ án không thể hiện giá trị cây trồng trên các thửa đất tranh chấp là thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Th có ý kiến nếu trong trường hợp Tòa án xét xử giao cho ông Ph thửa đất có gắn cây trồng do

ông Th trồng trên đất thì ông Th không yêu cầu ông Ph trả giá trị cây trồng. Do vậy, ông Ph được hưởng phần đất có 1.368,9 m² và toàn bộ cây trồng trên đất thuộc tách thửa 1377 và tách thửa 180. Đối với công sức giữ gìn, cải tạo, bồi đắp đất thì bản án sơ thẩm đã chia cho ông Th được hưởng một kỷ phần thừa kế nên không cần thiết buộc ông Ph trả công sức cải tạo đất mà ông Ph được hưởng thừa kế cho ông Th là phù hợp.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ph, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[8] Bản án sơ thẩm không tuyên cho ông Ph và ông Th có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là thiếu sót nên Hội đồng xét xử thống nhất sửa lại phần này

[9] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ph là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng phí phúc thẩm.

[10] Án phí sơ thẩm xác định lại: Ông Th phải nộp án phí đối với kỷ phần thừa kế được nhận $831.968.000đ - 800.000.000đ = 36.000.000đ \times 3\% = 36.959.000đ$.

[11] Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 10.191.600đ, ông Ph phải nộp số tiền 1.698.600 đ ($10.191.600đ : 6 = 1.698.600đ$) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 10.191.600đ. Ông Th phải nộp số tiền 8.493.000đ ($1.698.600đ \times 5 = 8.493.000đ$) để hoàn trả lại ông Ph nhận.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Ph.

- Sửa bản án sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 609, 610, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167, 188, 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph

1.1. Buộc ông Nguyễn Hồng Th có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thanh Ph được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 262,9m² thuộc tách thửa 1377 loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Phong được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích 262,9m² có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, A, B, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

1.2. Buộc ông Nguyễn Hồng Th có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thanh Ph được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 1.101,02m² thuộc tách thửa 180, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Ph được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích 1.101,02 m² có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, A, B, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

1.3. Ông Nguyễn Hồng Th có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thanh Ph số tiền chênh lệch giá trị kê phần thừa kế diện tích 267,9m² thuộc tách thửa 1377 và diện tích 1.101,02m² thuộc tách thửa 180 bằng số tiền 4.863.400 đ (bốn triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm đồng).

2.1. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 385,3m² thuộc tách thửa 1377, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Th được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích 385,3m² có vị trí gồm các mốc 4, 6, A, B, 4 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.2. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích $1.234,56m^2$ thuộc thửa 180, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Th được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích $1.234,56m^2$ có vị trí gồm các mốc 4, A, B, 9, 10, 4 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.3. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích $333,2m^2$ thuộc thửa 181, loại đất màu, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Th được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích $333,2m^2$ có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 8, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.4. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích $1.228,8m^2$, tờ bản đồ số 7 thuộc thửa 28 loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có $300m^2$ đất ở tại nông thôn đất và $928,8m^2$ đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Th được quyền sở hữu hợp pháp căn nhà, toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc khác nằm trên phần đất này.

Phần đất diện tích $1.228,8m^2$ có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, 15, 14, 13, 12, 11, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.5. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích $939,3m^2$ thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và ông Th được quyền sở hữu hợp pháp toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc khác trên phần đất này.

Phần đất diện tích $939,3m^2$ có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, 7, 6, 5, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.6. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích $812,4 m^2$ thuộc thửa 1378, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long .

Phần đất diện tích $812,4m^2$ có vị trí gồm các mốc 1, 2, 20, 19, 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12, 11, 10, 9, 8, 7, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

2.7. Ông Nguyễn Hồng Th được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích **2.173,9m²** thuộc **thửa 193, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long .**

Phần đất diện tích 2.173,9m² có vị trí gồm các mốc 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/6/2022 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Long Hồ (kèm theo bản án).

Ông Nguyễn Thanh Ph và ông Nguyễn Hồng Th có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

- **Buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải nộp số tiền 1.698.600 đ** (một triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền ông Ph đã nộp tạm ứng, ông Ph đã nộp xong.

- **Buộc ông Nguyễn Hồng Th phải nộp số tiền 8.493.000đ** (tám triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng) để hoàn trả lại ông **Nguyễn Thanh Ph** nhận.

4.1 Về án phí sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Hồng Th** phải nộp án phí sơ thẩm là **36.959.000đ** (ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng).

- **Ông Nguyễn Thanh Ph được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm** do thuộc trường hợp người cao tuổi.

4.2 Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Ph không phải nộp án phí phúc thẩm, ông Ph thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi Cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung